



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 183, số 07, 2018

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hoàng Thị Phương Nga - Mô hình du lịch văn học “Làng Vũ Đại ngày ấy”	3
Phạm Thị Thu Hoài, Trần Thị Thanh - Tiếng lòng trong truyện về đề tài giáo dục của Văn Thành Lê	9
Ngô Thị Thanh Nga, Phạm Thị Hồng Vân - Vài nét về các phương thức thể hiện tình vợ chồng trong văn học trung đại Việt Nam	15
Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Minh Sơn - Ý thức đối thoại của Nguyễn Ngọc Tư với văn học truyền thống thông qua những nhân vật nữ trong tập truyện <i>Không ai qua sông</i>	21
Đặng Thị Thùy, Nguyễn Diệu Thương - Lô gích của các hiện tượng “phi lô gích” trong ca dao, tục ngữ người Việt	27
Đinh Thị Giang - Những nhân tố ảnh hưởng đến lối sống của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay	33
Nguyễn Diệu Thương, Nguyễn Thị Lan Hương - Phương thức tạo hàm ý trong tiểu phẩm trào phúng	39
Nguyễn Thu Quỳnh, Vi Thị Hiền - Từ ngữ chỉ đồ gia dụng trong tiếng Thái ở tỉnh Điện Biên	45
Nguyễn Thị Thu Oanh, Hoàng Thị Mỹ Hạnh - Vị thế, vai trò cầm quyền của Đảng Cộng Sản Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 và một số bài học kinh nghiệm	51
Đỗ Hằng Nga, Phạm Quốc Tuấn - Việc thu thuế trong làng xã qua tư liệu hương ước cải lương tỉnh Thái Nguyên	57
Lê Văn Hiếu - Hiệu quả hoạt động của mô hình “ban tuyên vận” xã, phường, thị trấn và “tổ tuyên vận” thôn, bản, tổ dân phố ở tỉnh Lào Cai trong giai đoạn hiện nay	63
Thái Hữu Linh, Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thanh Hà - Vai trò của hậu phương Bắc Thái trong cuộc tổng tiến công Mậu Thân năm 1968	69
Phạm Anh Nguyên - Sức hấp dẫn trong Hải đàm của Phan Khôi	73
Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Mão, Nguyễn Tuấn Anh - Nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động ngoại khoá trong dạy học môn giáo dục công dân ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Thái Nguyên hiện nay	79
Nguyễn Văn Dũng, Đào Ngọc Anh - Thực trạng thể chất của sinh viên không chuyên thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	85
Trần Bảo Ngọc, Lê Ngọc Uyên, Bùi Thanh Thủy và cs - Thực trạng xếp loại tốt nghiệp sinh viên diện cử tuyển ở trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên giai đoạn 2013-2017	91
Nguyễn Thúc Cảnh - Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài tập có nội dung thực tế trong giảng dạy cơ học cho học sinh trung học phổ thông	97
Hà Thị Kim Linh, Chu Thị Bích Huệ - Giáo dục kiến thức pháp luật cho phụ nữ vùng dân tộc thiểu số ở huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	105
Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Thị Khánh Ly, Vũ Kiều Hạnh - Tăng cường sự tham gia của sinh viên vào các hoạt động học tiếng Anh trong lớp học đồng nhiều trình độ của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên	111
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Vận dụng phong cách nêu gương theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng phong cách làm việc đối với cán bộ chủ chốt ở nước ta hiện nay	117
Đàm Quang Hưng - Thiết kế bài học khoa học lớp 4, lớp 5 theo hướng tìm tòi thực nghiệm	123
Hoàng Thị Thu Hoài - Những khó khăn trong việc dạy và học từ vựng tiếng Anh chuyên cho sinh viên chuyên ngành điều dưỡng, trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên và một số giải pháp đề xuất	129

Nguyễn Lan Hương, Văn Thị Quỳnh Hoa - Những nhân tố ảnh hưởng đến khả năng nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên	135
Vũ Kiều Hạnh - Những yếu tố quyết định đến mức độ đọc hiểu của sinh viên năm thứ hai tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên	141
Nguyễn Thị Quế, Hoàng Thị Nhung - Hối đúng đắn để tự học và học tập cộng tác thành công – hướng tới xây dựng người học ngoại ngữ độc lập trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế	147
Ngô Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Hoài Thu - Ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy – học tiếng Việt cho học viên quốc tế tại Học viện Kỹ thuật Quân sự	153
Dương Văn Tân - Đánh giá hiệu quả áp dụng trò chơi vận động trong phát triển thể lực chung cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	159
Bùi Thị Hương Giang - Nâng cao năng lực giao tiếp giao văn hóa trong dạy và học ngoại ngữ	165
Trần Hoàng Tinh, Nông La Duy, Phạm Văn Tuấn - Xây dựng trung đội tự quản trong quản lý giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trong giai đoạn hiện nay	171
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Sử dụng hình thức đọc chuyên sâu để nâng cao khả năng viết học thuật cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh	177
Đỗ Thị Hồng Hạnh, Hoàng Mai Phương - Đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	183
Trần Thùy Linh, Trần Lương Đức, Nguyễn Thị Thùy Trang - Cách tiếp cận của pháp luật cạnh tranh liên minh châu Âu về hành vi lạm dụng mang tính trục lợi	189
Nguyễn Thị Thanh Hà, Phạm Việt Hương - Xây dựng bộ tiêu chí và chỉ số kinh tế phù hợp để đánh giá quản lý rừng bền vững ở huyện Định Hóa	195
Đinh Thị Hoài - Truyền thông marketing sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện tại Trung tâm Học liệu Đại học Thái Nguyên	201
Nguyễn Thị Thanh Xuân - Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ khách sạn tại Thanh Hóa, Việt Nam	207
Dương Thị Tình - Đóng góp của xuất khẩu hàng hóa tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Yên Bái	213
Lê Minh Hải, Trần Việt Khanh - Phân tích tổ chức không gian lãnh thổ du lịch tỉnh Thái Nguyên	219
Hà Văn Vương - Vận dụng lý thuyết Ecgônômi trong tổ chức môi trường làm việc tại văn phòng chi nhánh may Sông Công II - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	227
Mai Anh Linh, Nguyễn Thị Minh Anh - Đánh giá chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng: nghiên cứu thực nghiệm tại siêu thị Lan Chi, Thái Nguyên	233
Đinh Hồng Linh, Nguyễn Thu Nga, Nguyễn Thu Hằng - Sử dụng hàm Loga siêu việt để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	239

THỰC TRẠNG THỂ CHẤT CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN THỂ DỤC THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Văn Dũng*, Đào Ngọc Anh

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đánh giá thực trạng thể chất của sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả chương trình môn học Giáo dục thể chất của nhà trường. Định kỳ kiểm tra, đánh giá sự phát triển thể chất của sinh viên là một yêu cầu của kiểm định chương trình đào tạo. Bài báo căn cứ vào “*Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*” để xác định đặc điểm và đánh giá thực trạng thể chất của sinh viên không chuyên Thể dục thể thao dựa trên các chỉ tiêu và các test. Kết quả kiểm tra cho thấy thể chất của sinh viên nhà trường tương đương với thể chất của người Việt Nam cùng lứa tuổi và giới tính, tuy nhiên thể lực của sinh viên không chuyên chưa đạt được theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo còn chiếm tỷ lệ cao từ 60% đến 82%.

Từ khóa: *Giáo dục thể chất, sinh viên, Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở khu vực miền núi Trung du Bắc Bộ, là trung tâm văn hóa giáo dục của vùng. Nhiệm vụ chính của trường là đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực với bề dày lịch sử 52 năm xây dựng và phát triển. Trong đó công tác giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên Thể dục thể thao luôn được nhà trường quan tâm, chú trọng.

Năm 2008 Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008, “*quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*” [1]. Năm 2013, tổng cục Thể dục thể thao công bố thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỉ XXI [4].

Để nâng cao công tác giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên cần xác định được đặc điểm và đánh giá đúng thực trạng thể chất của sinh viên từ đó đưa ra những điều chỉnh hợp lý nhằm nâng cao chất lượng môn học.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp đọc và phân tích tài liệu; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp toán thống kê [2]. Nghiên cứu được tiến hành trên 3000 sinh viên không chuyên Thể dục thể thao của bốn khóa (48; 49; 50; 51), trong đó có 1000 nam sinh viên.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Năm 2013, Tổng cục TDTT công bố “*Thể chất người Việt nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỉ XXI*” được nghiệm thu năm 2004, kết quả công bố này dựa trên cơ sở dự án công trình khoa học Thể dục thể thao để biên soạn những chỉ số cơ bản phản ánh thực trạng phát triển thể chất của người Việt Nam. Đây là kết quả kế thừa số liệu thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi, thời điểm 2001.

Dựa vào kết quả công bố trên, để đánh giá thực trạng thể chất sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, các chỉ tiêu, test đã được sử dụng là:

- Hình thái (02 chỉ số trực tiếp và 02 chỉ số gián tiếp): Chiều cao; Cân nặng; Chỉ số BMI.

* Tel: 0913031309; Email: nguyenvandung@dhsptn.edu.vn

- Y sinh (01 chỉ số): Chỉ số công năng tim (HW).
- Thẻ lực (04 test): Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 30m xuất phát cao (viết tắt là XPC) (s); Chạy con thoi 4 x 10m (s); Chạy tùy sức 5 phút (m).

Đối tượng kiểm tra là sinh viên không chuyên Thẻ dục thể thao các khóa: Khóa 51 (Năm thứ nhất 19 tuổi); Khóa 50 (Năm thứ hai 20 tuổi); Khóa 49 (Năm thứ ba 21 tuổi); Khóa 48 (Năm thứ tư 22 tuổi). Mỗi khóa kiểm tra 250 nam sinh viên và 500 nữ sinh viên. Thời điểm kiểm tra: Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 5 năm 2017.

Kết quả kiểm tra được trình bày ở bảng 1 và bảng 2.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra chúng tôi đã xác định được đặc điểm thể chất của sinh viên không chuyên Thẻ dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, từ đó rút ra được kết luận là, thể chất của sinh viên không chuyên Thẻ dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên tương đương với thể chất của người Việt Nam cùng lứa tuổi và giới tính [3].

Thẻ lực của sinh viên không chuyên Thẻ dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên có sự tương đương với người Việt Nam bình thường cùng độ tuổi và giới tính. Điều này cho thấy, sinh viên không chuyên Thẻ dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên tự rèn luyện thân thể thông qua các hoạt động thể thao còn ít, mặt khác do thời lượng môn học chỉ có 90 tiết tương ứng với ba học phần và được phân bố trong ba học kì, đồng thời trong các buổi học, sinh viên chủ yếu được học các kĩ thuật, giờ học tập trung phát triển sức nhanh, sức mạnh và khéo léo nhưng chưa chú trọng tới các bài tập nâng cao thẻ lực sức bền nên đã tác động tới sự tăng trưởng thể chất của sinh viên.

Từ đặc điểm thể chất của sinh viên không chuyên Thẻ dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, chúng tôi tiến hành đánh giá thẻ lực của sinh viên theo tiêu chuẩn thẻ lực của sinh viên Việt Nam (*Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 18 tháng 9 năm 2008*) [1]. Để đánh giá xếp loại

thẻ lực cho sinh viên, chúng tôi đã sử dụng 4 test để đánh giá thẻ lực: Bật xa tại chỗ (cm); Chạy 30m xuất phát cao (s); Chạy con thoi 4x10m (s) và Chạy tùy sức 5 phút (m). Căn cứ vào quy định xếp loại thẻ lực theo quy định 53 thì sinh viên được xếp loại thẻ lực theo 3 loại:

- Tốt: Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu có ba chỉ tiêu Tốt và một chỉ tiêu Đạt trở lên.
- Đạt: Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi từ mức Đạt trở lên.
- Chưa đạt: Kết quả kiểm tra các chỉ tiêu theo lứa tuổi có một chỉ tiêu dưới mức Đạt.

Kết quả kiểm tra đánh giá được trình bày ở bảng 3 và bảng 4:

Đối với nam: Thẻ lực của nam sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai tốt hơn so với sinh viên năm thứ ba và thứ tư, cụ thể:

- Nam sinh viên năm thứ nhất: Sức nhanh, sức mạnh tốc độ và khéo léo cũng xếp loại đạt cao nhất chiếm tỉ lệ 96,8%; Sức bền xếp loại đạt thấp nhất, chiếm tỉ lệ 40,8%. Đánh giá xếp loại thẻ lực của nam sinh viên năm thứ nhất: Đạt loại tốt chiếm tỉ lệ 9,6%, loại đạt chiếm tỉ lệ 30,4% và loại không đạt chiếm tỉ lệ 60,0%.
- Nam sinh viên năm thứ hai: Sức nhanh, sức mạnh tốc độ xếp loại đạt cao nhất, chiếm tỉ lệ 98,2%, sức bền xếp loại đạt thấp nhất chiếm tỉ lệ 39,4%. Đánh giá xếp loại thẻ lực của nam sinh viên năm thứ hai: Sinh viên đạt loại tốt chiếm tỉ lệ 10% và loại không đạt chiếm tỉ lệ 60,4%.
- Nam sinh viên năm thứ ba: Sức nhanh, khéo léo xếp loại đạt cao nhất, chiếm tỉ lệ 79,6%; sức bền xếp loại đạt thấp nhất, chiếm tỉ lệ 55,6%. Đánh giá xếp loại thẻ lực nam sinh viên năm thứ ba: Đạt loại tốt chiếm tỉ lệ 0,8%, loại đạt chiếm tỉ lệ 26,8% và không đạt chiếm tỉ lệ 72,4%.
- Nam sinh viên năm thứ tư: Sức nhanh, khéo léo xếp loại đạt cao nhất chiếm tỉ lệ 80,4%; Sức bền xếp loại đạt thấp nhất chiếm tỉ lệ 10,8%. Đánh giá xếp loại thẻ lực của nam sinh viên năm thứ tư: sinh viên đạt loại tốt chiếm tỉ lệ 0,8%, loại đạt chiếm tỉ lệ 20,8% và loại không đạt chiếm tỉ lệ 78,4%.

Bảng 1. Đặc điểm thể chất của nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Chỉ tiêu, test	Năm thứ nhất (18 tuổi) Khóa 51 (n=250)			Năm thứ hai (19 tuổi) Khóa 50 (n=250)			Năm thứ ba (21 tuổi) Khóa 49 (n=250)			Năm thứ tư (22 tuổi) Khóa 48 (n=250)		
	\bar{x}	δ	C_v	\bar{x}	δ	C_v	\bar{x}	δ	C_v	\bar{x}	δ	C_v
	Chiều cao (cm)	163,64	4,67	4,75	164,49	5,07	3,85	164,70	6,25	3,87	165,30	6,09
Cân nặng (kg)	50,53	7,86	15,55	51,03	6,54	16,14	54,30	9,27	15,96	54,61	9,03	15,70
BMI (kg/m ²)	19,23	1,02	3,26	21,14	2,08	5,10	21,34	0,89	8,81	24,13	1,82	9,30
Chỉ số công năng tim (HW)	10,13	5,27	52,08	10,31	6,07	32,12	10,44	3,98	29,44	10,93	2,83	25,92
Đeo gập thân (cm)	6,70	5,64	84,60	6,96	6,24	81,05	4,92	7,01	159,01	7,87	6,35	169,94
Lực bóp tay thuận (kg)	32,41	6,37	19,64	34,12	6,21	18,75	36,18	5,39	15,94	39,15	2,06	14,25
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	20,44	4,59	22,46	21,86	5,19	24,06	22,50	4,01	19,30	15,11	6,39	11,83
Bật xa tại chỗ (cm)	189,34	28,48	15,04	192,42	29,89	17,01	201,95	19,64	11,64	215,73	19,41	9,82
Chạy 30m XPC (s)	5,31	0,81	15,19	5,22	0,65	16,11	5,05	0,48	10,14	4,78	0,56	11,49
Chạy con thoi 4x10m (s)	11,44	1,03	9,00	10,74	1,13	9,00	10,58	0,78	9,34	10,53	0,55	2,87
Chạy tùy sức 5 phút (m)	825,72	86,87	10,52	844,17	116,98	12,99	773,22	92,92	14,07	730,22	73,28	11,74

Bảng 2. Đặc điểm thể chất của nữ sinh viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Chỉ tiêu, test	Năm thứ nhất (18 tuổi) Khóa 51 (n=500)			Năm thứ hai (19 tuổi) Khóa 50 (n=500)			Năm thứ ba (21 tuổi) Khóa 49 (n=500)			Năm thứ tư (22 tuổi) Khóa 48 (n=500)		
	\bar{x}	δ	C_v	\bar{x}	δ	C_v	\bar{x}	δ	C_v	\bar{x}	δ	C_v
	Chiều cao (cm)	153,79	4,72	3,07	154,11	5,47	3,55	154,38	5,56	3,60	154,42	5,53
Cân nặng (kg)	46,01	3,74	8,13	46,21	4,11	8,89	47,33	5,21	8,89	47,78	3,43	7,18
BMI (kg/m ²)	19,56	1,82	9,30	19,42	1,58	8,14	20,13	2,01	9,99	19,98	1,76	8,81
Chỉ số công năng tim (HW)	7,28	4,34	6,61	13,99	1,06	7,58	11,47	1,08	9,42	11,24	0,74	6,58
Đeo gập thân (cm)	12,92	1,07	8,28	12,88	2,18	16,93	10,67	0,92	8,62	9,97	0,85	8,53
Lực bóp tay thuận (kg)	28,99	2,06	7,11	28,99	2,29	7,90	28,76	2,35	8,17	28,33	2,15	7,59
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15,11	1,29	10,65	15,08	1,07	8,86	14,43	0,86	9,12	13,99	0,67	8,39
Bật xa tại chỗ (cm)	158,69	15,14	9,54	156,43	14,22	9,09	153,99	13,78	8,95	153,21	13,42	8,76
Chạy 30m XPC (s)	6,22	0,58	9,32	6,17	0,47	7,62	6,51	0,59	9,06	6,82	0,53	7,77
Chạy con thoi 4x10m (s)	12,72	0,97	7,63	12,74	0,96	7,54	13,86	1,35	9,74	13,97	1,04	7,44
Chạy tùy sức 5 phút (m)	740,57	61,03	8,37	729,36	64,46	8,96	694,6	66,76	9,61	689,66	54,53	7,91

Bảng 3. Đánh giá thể lực của nam sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của Bộ GD&ĐT

Chỉ tiêu, test	Năm thứ nhất (18 tuổi) Khóa 51 (n=250)			Năm thứ hai (19 tuổi) Khóa 50 (n=250)			Năm thứ ba (21 tuổi) Khóa 49 (n=250)			Năm thứ tư (22 tuổi) Khóa 48 (n=250)		
	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %
	Bật xa tại chỗ (cm)	218,36	185	74,6	221,01	185	74,6	205,15	114	45,6	204,43	114
Chạy 30m XPC (s)	4,90	240	96,8	4,74	245	98,2	5,31	199	79,6	5,42	176	70,4
Chạy con thoi 4x10m (s)	12,15	240	96,8	11,96	240	96,8	12,26	209	83,6	12,38	201	80,4
Chạy tùy sức 5 phút (m)	944,89	100	40,8	940,22	99	39,4	849,17	69	55,6	842,8	54	10,8
Xếp loại	Tốt	24	9,6	Tốt	25	10,0	Tốt	2	0,8	Tốt	2	0,8
	Đạt	76	30,4	Đạt	74	29,6	Đạt	67	26,8	Đạt	52	20,8
	K.đạt	150	60,0	K.đạt	151	60,4	K.đạt	181	72,4	K.đạt	196	78,4

Bảng 4. Đánh giá thể lực của nữ sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của Bộ GD&ĐT

Chỉ tiêu, test	Năm thứ nhất (18 tuổi) Khóa 51 (n=500)			Năm thứ hai (19 tuổi) Khóa 50 (n=500)			Năm thứ ba (21 tuổi) Khóa 49 (n=500)			Năm thứ tư (22 tuổi) Khóa 48 (n=500)		
	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %	\bar{x}	Số SV đạt	Tỉ lệ %
	Bật xa tại chỗ (cm)	158,69	292	58,4	156,43	265	53	153,99	208	41,6	153,21	198
Chạy 30m XPC (s)	6,22	380	76	6,17	394	78,8	6,51	303	60,6	6,82	186	37,2
Chạy con thoi 4x10m (s)	12,72	324	64,8	12,74	321	64,2	13,86	200	40	13,97	179	35,8
Chạy tùy sức 5 phút (m)	740,57	125	25	729,36	192	38,4	694,60	98	19,6	689,66	90	18
Xếp loại	Tốt	5	1,0	Tốt	25	5	Tốt	14	2,8	Tốt	8	1,6
	Đạt	120	24	Đạt	167	33,4	Đạt	86	17,2	Đạt	82	16,4
	K.đạt	375	75	K.đạt	308	61,6	K.đạt	400	80,0	K.đạt	410	82,0

Đối với nữ: Thể lực của nữ sinh viên năm thứ nhất đến năm thứ tư đều xếp loại ở mức tốt rất thấp từ 1.0% đến 5%; xếp loại không đạt chiếm tỷ lệ cao từ 61.6% đến 82%, cụ thể:

- Nữ sinh viên năm thứ nhất: Sức mạnh, khéo léo xếp loại đạt cao nhất chiếm tỉ lệ 64,8%; Sức bền xếp loại đạt thấp nhất, chiếm tỉ lệ từ 25%. Đánh giá xếp loại thể lực của nữ sinh viên năm thứ nhất: Loại tốt là 1%, loại đạt chiếm tỉ lệ 24%, và không đạt chiếm tỉ lệ 75%.

- Nữ sinh viên năm thứ hai: Sức mạnh tốc độ xếp loại đạt cao nhất chiếm tỉ lệ 53%, sức bền xếp loại đạt thấp nhất chiếm tỉ lệ 38,4%. Đánh giá xếp loại thể lực của nữ sinh viên năm thứ hai: loại tốt 5% và loại đạt chiếm tỉ lệ 33,4% và loại không đạt chiếm tỉ lệ 61,6%.

- Nữ sinh viên năm thứ ba: Sức nhanh xếp loại đạt cao nhất, chiếm tỉ lệ 60,6%; Sức bền chiếm tỉ lệ thấp nhất 19,6%; Đánh giá xếp loại thể lực của nữ sinh viên năm thứ ba: loại tốt 0,8%; loại đạt chiếm tỉ lệ 26,8% và loại không đạt chiếm tỉ lệ 72,4%.

- Nữ sinh viên năm thứ tư: Sức mạnh tốc độ xếp loại đạt cao nhất, chiếm tỉ lệ 39,6%, sức bền có tỷ lệ thấp nhất chiếm 18%. Đánh giá xếp loại thể lực của nữ sinh viên năm thứ tư: loại tốt 1,6%; loại đạt chiếm tỉ lệ 16,4% và loại không đạt chiếm tỉ lệ 82%.

Như vậy, thể lực của nam và nữ sinh viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên ở mức thấp so với chuẩn đánh giá xếp loại của Bộ GD&ĐT. Sinh viên năm thứ

nhất và năm thứ hai có thể lực tốt hơn sinh viên năm thứ ba và năm thứ tư. Theo quy định của Bộ GD&ĐT xếp loại thể lực của sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên có tỷ lệ chưa đạt còn cao, các tố chất có số sinh viên Đạt cao nhất là sức nhanh, sức mạnh đối với nam và khéo léo đối với nữ, sức bền ở cả nam và nữ đều có tỉ lệ số sinh viên xếp loại Đạt thấp. Điều này cho thấy chương trình môn học Giáo dục thể chất của trường trong thời gian hai năm với ba học phần gồm một học phần bắt buộc và hai học phần là các môn thể thao tự chọn thì sinh viên chủ yếu được tập luyện phát triển các tố chất sức nhanh, sức mạnh và khéo léo, nhưng lại hạn chế luyện tập phát triển tố chất sức bền.

KẾT LUẬN

1. Trên cơ sở kiểm tra đánh giá thực trạng, đề tài đã xác định được đặc điểm thể chất của sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, cụ thể: Thể chất của sinh viên không chuyên thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên tương đương

với thể chất của người Việt Nam cùng lứa tuổi và giới tính [4].

2. Thể lực của nam và nữ sinh viên không chuyên Thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên xếp loại Đạt ở mức thấp so với tiêu chuẩn xếp loại của Bộ GD&ĐT. Sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai có thể lực tốt hơn sinh viên năm thứ ba và sinh viên năm thứ tư. Tỷ lệ sinh viên chưa Đạt theo chuẩn đánh giá xếp loại thể lực của Bộ GD&ĐT còn cao chiếm tỷ lệ từ 60% đến 82%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/9/2008 “*Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*”, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
2. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường Thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Tổng cục Thể dục thể thao (2013), *Thể chất người Việt Nam từ 6 đến 60 tuổi đầu thế kỷ XXI*, Nxb TDTT, Hà Nội.

SUMMARY

PHYSICAL STATUS OF NON-SPORTS STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY OF EDUCATION

Nguyen Van Dung*, Dao Ngoc Anh
TNU - University of Education

Assessing the physical status of non-sports students at Thai Nguyen University of Education is one of the significant criteria to evaluate the efficiency of the physical education program. Regular assessment of the physical status of students is a must of quality assurance of academic program. Based on the ‘*Regulations on assessing and classifying physical status of students*’, this article identifies the features and assesses physical status of non-sports students by using given criteria and tests. The article’s findings prove that the physical status of non-sports students of Thai Nguyen University of Education is similar to that of Vietnamese people of the same ages and genders. However, from 60 percent to 82 percent of non-sports students do not meet the requirements of physical development assessment set out by MOET.

Keywords: *physical education; students; sports; Thai Nguyen University of Education.*

Ngày nhận bài: 26/3/2018; Ngày phản biện: 10/4/2018; Ngày duyệt đăng: 29/6/2018

* Tel: 0913031309; Email: nguyenvandung@dhsptn.edu.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Hoang Thi Phuong Nga - Literature tourism model “the old Vu Dai village”	3
Pham Thi Thu Hoai, Tran Thi Thanh - Slang in Van Thanh Le's stories about education problems	9
Ngo Thi Thanh Nga, Pham Thi Hong Van - A brief description of the modes of expressing conjugal sentiments in the Vietnam medieval literature	15
Nguyen Thi Tham, Nguyen Minh Son - The opposite view of Nguyen Ngoc Tu to Vietnamese traditional literature via the main female characters in <i>Khong ai qua song</i>	21
Dang Thi Thuy, Nguyen Dieu Thuong - The logic of “non logic” phenomenon in Vietnamese folk verses, proverbs	27
Dinh Thi Giang - Factors affecting current lifestyle of Vietnamese people in the northern delta	33
Nguyen Dieu Thuong, Nguyen Thi Lan Huong - Mechanisms creating implication in satirical jokes	39
Nguyen Thu Quynh, Vi Thi Hien - Household vocabulary of Thai language in Dien Bien province	45
Nguyen Thi Thu Oanh, Hoang Thi My Hanh - Position, role of the communist party of Vietnam in the period 1954 – 1975 and some lessons learned	51
Do Hang Nga, Pham Quoc Tuan - Collection of taxes in the villages through material of reformist village convention in Thai Nguyen province	57
Le Van Hieu - The efficiency of the model "propaganda department" in communes, wards, township and "commander" in villages, cities at the current period in Lao Cai province	63
Thai Huu Linh, Nguyen Thi Thu Hien, Nguyen Thi Thanh Ha - The role of the rear Bac Thai in the 1968 general offensive	69
Pham Anh Nguyen - The attraction in “Hai dam” of Phan Khoi	73
Nguyen Thi Huong, Nguyen Thi Mao, Nguyen Tuan Anh - Enhancing the efficiency of extracurricular activities in teaching civic education at high schools in Thai Nguyen city these days	79
Nguyen Van Dung, Dao Ngoc Anh - Physical status of non-sports students at Thai Nguyen University of Education	85
Tran Bao Ngoc, Le Ngoc Uyen, Bui Thanh Thuy et al - The reality of degree classification in non-examination students at University of Medicine and Pharmacy – Thai Nguyen University in the period from 2013 to 2017	91
Nguyen Thuc Canh - The need for building an exercise system with practical content to teach mechanics to high school	97
Ha Thi Kim Linh, Chu Thi Bich Hue - Educate legal knowledge for ethnic minority women in Vo Nhai district, Thai Nguyen province	105
Nguyen Thi Thanh Hong, Nguyen Thi Khanh Ly, Vu Kieu Hanh - Improve students' participation in English learning activities in large mixed ability classes of the freshman students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy	111
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Manipulate exemplary style according to the President Ho Chi Minh's thought in building work style for key cadres at present period	117
Dam Quang Hung - Science lesson planning for grade 4, 5 according to experimental research	123
Hoang Thi Thu Hoai - Difficulties in teaching and learning ESP vocabulary for nursing students at Thai Nguyen Medical College and some solutions	129
Nguyen Lan Huong, Van Thi Quynh Hoa - Determinants affecting English speaking performance of the first-year students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry	135

Vu Kieu Hanh - Determinants to the reading comprehension performance level of the second- year students at Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry	141
Nguyen Thi Que, Hoang Thi Nhung - Asking the right question for successful self-studying and cooperative learning - towards independent language learners in the context of ASEAN community and global integration	147
Ngo Thi Thu Ha, Nguyen Thi Hoai Thu - Apply interactive teaching methods to improve the quality of teaching and learning Vietnamese to international students at Military Technical Academy	153
Duong Van Tan - An assessment of the effectiveness in application of games in general physical development for students at Thai Nguyen University of Technology	159
Bui Thi Huong Giang - Improving intercultural communicative competence in foreign language teaching and learning	165
Tran Hoang Tinh, Nong La Duy, Pham Van Tuan - Building self-managed platoon in disciplinary education for students at the center for defense and security education in the current phase	171
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Improving academic writing performance for english majors through intensive reading	177
Do Thi Hong Hanh, Hoang Mai Phuong - Vocational training for rural workers in Cho Moi district, Bac Kan province	183
Tran Thuy Linh, Tran Luong Duc, Nguyen Thi Thuy Trang - European union competition law approach on exploitative abuses	189
Nguyen Thi Thanh Ha, Pham Viet Huong - Setting up an appropriate set of economic criteria and indicators for evaluating sustainable forest management in Dinh Hoa district	195
Dinh Thi Hoai - Marketing promotion for information - library product and service at the Learning Resource Center of Thai Nguyen University	201
Nguyen Thi Thanh Xuan - Factors affecting customer satisfaction in hotels at Thanh Hoa province, Vietnam	207
Duong Thi Tinh - Contributions of goods export to the economic growth of Yen Bai province	213
Le Minh Hai, Tran Viet Khanh - Tourism space organization of Thai Nguyen province	219
Ha Van Vuong - Apply the ergonomics theory in working environment organization at the office of Song Cong garment branch II – TNG Investment and Trading Joint Stock Company	227
Mai Anh Linh, Nguyen Thi Minh Anh - Assessing service quality and customer satisfaction: an empirical study at Lan Chi supermarket, Thai Nguyen city	233
Dinh Hong Linh, Nguyen Thu Nga, Nguyen Thu Hang - Applying logarithmic function to evaluate the business efficiency of Vietnam banks	239